

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, HOA MÀU, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THU HỒI GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG TỈNH 391, ĐOẠN TỪ THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG ĐẾN ĐƯỜNG TRỰC ĐÔNG - TÂY, TỈNH HẢI DƯƠNG;
ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ CHÍ MINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

SĐT:

CCCD:

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

TT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Thành tiền (Đồng)
I	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT							
	Theo hồ sơ đo đạc GPMB: ông Nguyễn Văn Hùng đang sử dụng thửa đất số 77, tờ bản đồ số 111, diện tích 1304,7 m2, diện tích thực hiện dự án 134,6 m2. Theo hồ sơ pháp lý: Đất có nguồn gốc được UBND xã Văn Tổ cũ giao trái thẩm quyền năm 1991 cho ông Nguyễn Văn Ưởng, là bố đẻ của ông Hùng; diện tích được giao 814 m2 bao gồm 554 m2 đất thổ cư (T) và 260 m2 đất ao. Căn cứ Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2002 của UBND huyện Tứ Kỳ; căn cứ vào hồ sơ giải phóng mặt bằng, phần diện tích thực hiện dự án 134,6 m2 bao gồm 1,3 m2 đất ở tại nông thôn của hộ ô Hùng và 133,3 m2 đất hành lang giao thông UBND xã quản lý.	m2	1,30	30.100.000	1,00	1,00	1,00	39.130.000
	Cộng I							39.130.000
II	HỖ TRỢ CÂY CỎI, HOA MÀU							
	Cây trồng trên đất hành lang giao thông							

TT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Thành tiền (Đồng)
	<i>Căn cứ mục b, Khoản 12, Điều 17, Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng (Cây trồng, vật nuôi trên đất không đủ điều kiện bồi thường: Hỗ trợ 10% mức bồi thường theo đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng (hoặc vật nuôi là thủy sản) khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố)</i>							
1	Nhân đường kính thân>40cm	cây	1	3.981.000	1,00	1,00	0,10	398.000
2	Chuối chiều cao H> 120cm	cây	12	70.000	1,00	1,00	0,10	84.000
3	Dọc khoai	m2	20	13.000	1,00	1,00	0,10	26.000
4	Thanh long đường kính tán < 1m	cây	2	150.000	1,00	1,00	0,10	30.000
5	Cây xoài đường kính thân >40cm	cây	1	1.866.000	1,00	1,00	0,10	186.000
	Cộng II							724.000
III	HỖ TRỢ TÀI SẢN, VẬT KIẾN TRÚC							
	Ông Hùng xây dựng công trình trên đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang giao thông							
	Theo chủ hộ kê khai thời điểm xây dựng công trình xây dựng trên phần đất thực hiện dự án năm 2002							
	<i>Căn cứ mục a, Khoản 8, Điều 17, Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng: Hỗ trợ đối với công trình, vật kiến trúc không đủ điều kiện bồi thường và vi phạm hành lang bảo vệ các công trình theo quy định. Công trình, vật kiến trúc xây dựng trước ngày 01/7/2004, hỗ trợ 30% giá trị xây mới của nhà, công trình bị thiệt hại.</i>							
1	Lán số 1							
+	Mái Fibrôximăng sườn sắt KT: 4.23*4.62	m2	19,54	316.942	1,00	1,00	0,30	1.858.000
+	Tường xây gạch Papanh 150 cô trát KT: (3.82+2.7)/2*4.62*2 bên -0.85*1.3	m2	29,02	473.449	1,00	1,00	0,30	4.121.000
+	Móng tường Papanh KT: 0.3*4.62*1.0 sâu *2 bên	m3	2,77	1.081.965	1,00	1,00	0,30	899.000

TT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Thành tiền (Đồng)
+	Cửa sổ gỗ							
	KT: 0.85*1.3	m2	1,11	1.400.000	1,00	1,00	0,30	464.000
+	Tường xây gạch Papanh 150 có trát							
	KT: (4.23-2*0.15)*2.7-2.06*2.28 cửa	m2	5,91	473.449	1,00	1,00	0,30	840.000
+	Móng tường xây gạch Papanh							
	KT: (4.23-2*0.15)*0.3*1.0	m3	1,18	1.081.965	1,00	1,00	0,30	382.000
+	Cửa gỗ							
	KT: 2.06*2.28	m2	4,70	1.500.000	1,00	1,00	0,30	2.113.000
+	Nền láng xmcv có lót							
	KT: 3.96*4.28	m2	16,95	54.168	1,00	1,00	0,30	275.000
+	Bê tông lót gạch vỡ							
	KT: 3.96*4.28*0.1	m3	1,69	1.027.902	1,00	1,00	0,30	522.000
+	Xà BTCT							
	KT: 0.4*0.12*4.23	m3	0,20	8.244.016	1,00	1,00	0,30	502.000
*	Công							
+	Trụ công xây gạch chỉ không trát							
	KT: 0.2*0.3*2.5	m3	0,15	2.623.803	1,00	1,00	0,30	118.000
+	Móng trụ công							
	KT: 0.3*0.41*0.7	m3	0,09	1.658.061	1,00	1,00	0,30	42.000
+	Lưới B40							
	KT: 1.0*1.72	m2	1,72	103.000	1,00	1,00	0,30	53.000
+	Sắt Ø32 làm khung công							
	KT: 3.14*0.032*0.0014*7800*(1.0*2+1.72*2)	kg	5,97	45.000	1,00	1,00	0,30	80.000
+	Lưới B40 làm hàng rào							
	KT: 1.2*(6.5+3.1)	m2	11,52	103.000	1,00	1,00	0,30	355.000
+	Trụ BTCT							
	KT: 0.15*0.1*(1.85+0.3)*4 trụ	m3	0,13	7.050.138	1,00	1,00	0,30	272.000
+	Tường rào xây gạch papanh không trát							
	KT: 0.5*6.5	m2	3,25	473.449	1,00	1,00	0,30	461.000
-	Trừ trát tường							
	KT: 0.5*6.5*2	m2	-6,50	141.099	1,00	1,00	0,30	-275.000
+	Móng xây gạch Papanh							
	KT: 0.5*6.5*0.3	m3	0,98	1.081.965	1,00	1,00	0,30	316.000

TT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Thành tiền (Đồng)
+	Tường rào xây gạch Papanh có gắn mảnh chai không trát							
	KT: 1.3*10.8	m2	14,04	473.449	1,00	1,00	0,30	1.994.000
+	Gắn mảnh chai dài 10.8m	md	10,80	25.000	1,00	1,00	0,30	81.000
+	Móng xây gạch Papanh							
	KT: 0.3*0.5*10.8	m3	1,62	1.081.965	1,00	1,00	0,30	525.000
+	Tường rào xây gạch chỉ 110 không trát							
	Thân tường: 911000/2*1.2=546600đ	md	2,20	546.600	1,00	1,00	0,30	360.000
	Móng tường	md	2,20	369.000	1,00	1,00	0,30	243.000
-	Trừ trát tường							
	KT: 1.2*2.2*2	m2	-5,28	141.099	1,00	1,00	0,30	-223.000
+	Nền láng xmcv có lót							
	KT: 5.3*6.8	m2	36,04	54.168	1,00	1,00	0,30	585.000
+	Bê tông lót gạch vỡ							
	KT: 5.3*6.8*0.1	m3	3,60	1.027.902	1,00	1,00	0,30	1.111.000
+	Tường bo xây gạch chỉ 220 không trát							
	KT: 0.22*0.3*(3.8+2.0)	m3	0,38	1.919.493	1,00	1,00	0,30	220.000
	Cộng III							18.294.000
	Tổng hợp							
I	BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT							39.130.000
II	HỖ TRỢ CÂY CỎI, HOA MÀU							724.000
III	HỖ TRỢ TÀI SẢN, VẬT KIẾN TRÚC							18.294.000
	Tổng cộng làm tròn							58.148.000
	Bằng chữ Năm mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn đồng chẵn							

Phương án này đã được Hội đồng GPMB thực hiện dự án lập và thẩm định theo quy định hiện hành, thông qua chủ hộ để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt (Chỉ khi các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án, kinh phí BT,HT mới được thực hiện)/.

Chủ sử dụng đất (Ký ghi rõ họ tên)	Hội đồng giải phóng mặt bằng xã Chí Minh		
Người tính	Người soát	Phó chủ tịch HĐ	Chủ tịch HĐ
 Phạm Ngọc Nhung	 Trần Xuân Bình	 Phó Trưởng phòng Kinh tế Nguyễn Cao Khương	 Chủ tịch UBND xã Vũ Minh Thành

TT	Hạng mục quy cách	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Thành tiền (Đồng)
----	-------------------	-------------	------------	-------------------	---------	---------	---------	----------------------